

Bản án số: 05 /2023/HC-ST

Ngày: 13 - 01 - 2023

*“V/v Khiếu kiện quyết định thu hồi
đất; quyết định và hành vi về việc
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm

Bà Đào Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 07/2022/TLST-HC ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc: *“Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; quyết định và hành vi về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Bà Trần Thị D, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1985 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10/01/2023).

Địa chỉ: Số 18 đường L, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 04 đường 30/4, khu phố 2, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12/01/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Trần Thị D và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 28/12/2020 Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P ban hành Quyết định số 7181/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Trần Thị D 1.267,54 m², loại đất: Đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 75 (một phần thửa đất), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư R, tại xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13/01/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND về việc bồi thường về đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống, bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ suất tái định cư đối với diện tích đất đã thu hồi của bà D, cụ thể:

- Bồi thường đất đai: 418.288.200 đồng;
- Bồi thường cây trồng: 10.923.000 đồng;
- Bồi thường vật kiến trúc: 135.865.300 đồng;
- Hỗ trợ chi phí di chuyển: 5.000.000 đồng;
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 86.400.000 đồng;
- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 775.734.500 đồng;
- Hỗ trợ suất tái định cư: Một (01) suất.

Bà D xác định: UBND thành phố P ban hành hai quyết định hành chính nêu trên có những nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật, bỏ sót việc áp dụng các quy định có liên quan, ảnh hưởng quyền lợi chính đáng của bà D, cụ thể:

1. Quyết định thu hồi đất xác định loại đất thu hồi đất trồng cây lâu năm là chưa đúng theo quy định khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Vì trong diện tích 1.267,54 m² đất bị thu hồi có nhà ở do gia đình bà D xây dựng từ năm 2001. Diện tích đất bà D xây nhà ở và các công trình liền kề khoảng 200 m², lẽ ra phải xác định diện tích đất này là đất ở để áp dụng chính sách bồi thường, tái định cư cho bà D. Trong khi đó, quyết định thu hồi đất xác định loại đất thu hồi đất trồng cây lâu năm là chưa đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D, yêu cầu hủy bỏ để ban hành quyết định mới thay thế phù hợp.

2. UBND thành phố P cấp cho bà D một (01) suất tái định cư là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/07/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Kiên Giang và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, lẽ ra phải xác định diện tích 200m² đất bà D đang có nhà ở là đất loại đất ở để áp dụng chính sách tái định cư.

Mặt khác, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thì:

“Điều 12. Các trường hợp được bố trí tái định cư

1. Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất ở thì được bố trí tái định cư trong các trường hợp sau:

a) ...

d) Trường hợp trong hộ gia đình mà có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì được bố trí tái định cư cho từng hộ gia đình”.

Hộ gia đình của bà D có ba thế hệ cùng sinh sống gồm vợ chồng bà D và con gái bà D và cháu bà D. Theo quy định của pháp luật về cư trú, con gái bà D lấy chồng, sinh con thì đủ điều kiện để tách hộ gia đình riêng.

Như vậy, trường hợp của bà D theo quy định được cấp hai suất tái định cư, nhưng chỉ cấp cho bà D một suất tái định cư là chưa đúng quy định, nên cần bổ sung đầy đủ cho bà D thêm một suất.

Bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND thành phố P về việc bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống, bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ suất tái định cư cho bà Trần Thị D.

- Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định mới thay thế quyết định thu hồi đất bị hủy để xác định đúng loại đất và diện tích đất của bà D bị thu hồi. Ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống, chi phí di chuyển, hỗ trợ suất tái định cư bị hủy theo hướng bồi thường đúng loại đất đã thu hồi, tăng thêm một suất tái định cư cho bà Trần Thị D.

Văn bản số 1424/UBND-NCPC ngày 28/12/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Ngày 8/12/2017, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định 2678/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch sinh thái – dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 169,32ha.

Ngày 11/4/2018, Ban Quản lý khu kinh tế P ban hành quyết định số 81/QĐ-BQLKKTTPQ về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái – dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 1.735.295,67m².

Ngày 19/6/2020, UBND xã B tiến hành xét nguồn gốc đất cho các hộ dân trong dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R, xã B trong đó có trường hợp bà Trần Thị D kết quả xét duyệt như sau:

Diện tích đất 1.267,54m² có nguồn gốc là do ông Trần Văn Hùng khai phá năm 1999 đào ao nuôi cá, trồng dừa, xoài, đào... Sử dụng đến năm 2001 cho lại con là bà Trần Thị D quản lý sử dụng cùng thời điểm này bà D cất nhà ở (việc tặng cho bằng miệng không có giấy tờ gì chứng minh). Đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2012/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Đủ điều kiện bồi thường theo Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (kèm theo Biên bản cuộc họp về việc xét duyệt nguồn gốc đất của UBND xã B ngày 19/6/2020).

Ngày 8/7/2020, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện tiến hành xét tái định cư cho các hộ dân trong dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R, xã B trong đó có trường hợp bà Trần Thị D kết quả xét duyệt như sau: Nhà cất năm 2006 cất trước ngày công bố quy hoạch, dự án, nhà cất trên đất nông nghiệp, nhà bị giải tỏa trắng, không còn đất và nhà ở nào khác trên địa bàn xã B. Hội đồng thống nhất xét hỗ trợ 01 nền tái định cư theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang (Biên bản cuộc họp số 144/BB-HĐ về việc xét duyệt tái định cư của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện ngày 8/7/2020).

Ngày 28/12/2020, UBND huyện P ra Quyết định số 7193/QĐ-UBND phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Cùng ngày UBND huyện P ban hành quyết định số 7181/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Trần Thị D, diện tích 1.267,54m², loại đất trồng cây lâu năm để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Ngày 13/01/2021, UBND thành phố P ra quyết định số 184/QĐ-UBND về việc bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống và bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ suất tái định cư cho bà Trần Thị D với tổng số tiền 1.432.211.000 đồng và 01 suất tái định cư.

Từ kết quả trên UBND thành phố P khẳng định Quyết định số 7181/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 184/QĐ-UBND về việc bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống và bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ suất tái định cư cho bà Trần Thị D là đúng quy định pháp luật. Do đó, UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị D.

Kết quả việc giao nộp công khai chứng cứ và đối thoại:

Tòa án hai lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, người bị kiện vắng mặt nhưng có gửi các tài liệu, chứng cứ và văn bản trả lời liên quan đến nội dung khởi kiện của bà Trần Thị D.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của

những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Đối với người khởi kiện, người bị kiện: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. Hủy Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020, Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND thành phố P. Buộc người bị kiện ban hành quyết định mới thay thế quyết định thu hồi đất bị hủy bỏ để xác định đúng loại đất của bà Trần Thị D bị thu hồi; ban hành quyết định mới thay thế quyết định về việc bồi thường về đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống và bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ tái định cư bị hủy, bồi thường đúng loại đất đã thu hồi; đồng thời bố trí thêm một suất tái định cư cho bà Trần Thị D. Được khấu trừ vào số tiền đã nhận 1.432.211.000 đồng theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bà Trần Thị D vắng mặt ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K và người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất; Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và yêu cầu buộc người bị kiện ban hành quyết định thu hồi đất mới xác định đúng loại đất bị thu hồi; quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bồi thường đúng loại đất và yêu cầu hỗ trợ thêm một suất tái định cư là khiếu kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Kể từ ngày bà Trần Thị D nhận được quyết định hành chính đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D:

[2.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và buộc UBND thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất mới đúng với loại đất theo hiện trạng sử dụng đất khi thu hồi đất.

Bà D cho rằng, UBND thành phố P quyết định thu hồi diện tích đất 1.267,54m² và xác định loại đất trồng cây lâu năm là không đúng, thực tế trong phần đất bị thu hồi có 200m² đất ở bà D đang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 2001. Trong khi đó, theo các tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp cụ thể: Biên bản kiểm kê diện tích đất, cây trồng, vật kiến trúc của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang lập ngày 16/4/2018 thể hiện: Diện tích thiệt hại về nhà và vật kiến trúc của bà D là 72,59m². Thấy rằng có sự mâu thuẫn, quá trình khởi kiện tại Tòa án, bà D yêu cầu tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ.

Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/6/2022 thể hiện, tại diện tích đất 1.267,54m², thuộc thửa đất số 75 bị thu hồi theo Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020, hiện trạng nhà ở của bà D đang sử dụng ổn định có diện tích 110,6m². Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do người bị kiện cung cấp như: Phiếu xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 19/6/2020 (B1 số 22, 23) thể hiện:

“...diện tích 1.267,54m² có nguồn gốc do ông Trần Văn Hùng vào khai phá năm 1999 đào ao nuôi cá, trồng dừa, đào. Sử dụng đến năm 2001 cho lại con là bà Trần Thị D quản lý, sử dụng cùng thời điểm này bà D cất nhà ở (việc tặng cho bằng miệng không có giấy tờ chứng minh).

Đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo khoản 5, điều 20, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Đủ điều kiện bồi thường theo điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Tình trạng tranh chấp đất đai: không tranh chấp.”

.....

Như vậy, xét nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất thì diện tích đất 1.267,54m² bị thu hồi, trong đó có diện tích đất 110,6m² bà D làm nhà ở ổn định từ năm 2001, trước ngày công bố quy hoạch thực hiện dự án, đủ điều kiện được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

“Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này 11 của Luật Đất đai thì loại đất được xác định như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng”;

Do đó, bà D yêu cầu xác định diện tích đất 110,6m² là loại đất ở là có căn cứ, Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 thu hồi diện tích 1.267,54m² và xác định loại đất trồng cây lâu năm là chưa phù hợp. Do đó cần hủy quyết định này, đồng thời buộc người bị kiện ban hành quyết định thu hồi đất mới thay thế quyết định bị hủy để xác định đúng loại đất bị thu hồi mới đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất.

[2.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 và buộc UBND thành phố P ban hành quyết định mới để bồi thường đúng với loại đất bị thu hồi.

UBND thành phố ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2013 bồi thường về đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống và bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ tái định cư cho bà Trần Thị D đối với diện tích 1.267,54m².

Như đã nhận định tại phần [2.1] diện tích 110,6m² được xác định là đất ở, căn cứ Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 đủ điều kiện được bồi thường theo giá đất ở, nên bà D yêu cầu buộc người bị kiện ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đúng loại đất bị thu hồi là có căn cứ chấp nhận. Do đó cần hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 để buộc người bị kiện ban hành quyết định mới về bồi thường, hỗ trợ thay thế quyết định bị hủy đúng với loại đất bị thu hồi.

Diện tích đất 110,6m² thực tế bà D đang sử dụng làm nhà ở ổn định, để được công nhận là đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định tại Bảng giá đất ở, quy định điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Bà D đã nhận số tiền bồi thường 1.432.211.000 đồng (theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021), nên khi UBND thành phố ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ mới thay thế quyết định bị hủy thì khấu trừ tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước theo khoản 4 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 và trừ lại số tiền bà D đã nhận 1.432.211.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu buộc UBND thành phố P thực hiện chính sách hỗ trợ thêm 01 suất tái định cư của bà Trần Thị D.

Diện tích đất bà D đang sử dụng có 110,6m² đất được xác định là đất ở, tuy chưa đủ từ 150m² đất ở bị thu hồi trở lên, nhưng trước khi công bố quy hoạch để thực hiện dự án, gia đình bà D có 06 nhân khẩu (ba thế hệ) đang sinh sống thì được bố trí 02 suất tái định cư, quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang “*V/v quy định chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*”. Trong khi đó người bị kiện căn cứ vào Biên bản họp số 144/BB-HĐ ngày 08/7/2020 về việc xét tái định cư (bổ sung lần 4) cho các hộ dân trong dự án Khu du lịch sinh thái R, xã B, huyện P của UBND xã B (BL số 29, 32) để hỗ trợ 01 suất tái định cư cho bà D là chưa phù hợp với quy định của pháp luật đất đai và chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh Kiên Giang khi thu hồi đất, nên cần thiết buộc người bị kiện thực hiện đúng quy định đối với bà D.

Do Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 đã bị hủy, nên khi ban hành quyết định mới bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bà D phải hỗ trợ cho bà D 02 suất tái định cư.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát. Hủy Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất; hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ... của UBND thành phố P. Buộc UBND thành phố thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể: Ban hành quyết định thu hồi đất mới thay thế quyết định bị hủy để xác định đúng loại đất bị thu hồi; ban hành quyết định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mới thay thế quyết định bị hủy để bồi thường, hỗ trợ đúng loại đất bị thu hồi, đồng thời hỗ trợ chính sách tái định cư đúng quy định (02 suất). Được trừ khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước và số tiền bà D đã nhận 1.432.211.000 đồng tại Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2020.

[4] Án phí hành chính sơ thẩm: Bà D không phải chịu án phí. UBND thành phố P phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 173, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 79, Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ các Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Căn cứ Điều 32 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.

- Hủy Quyết định số 7181/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố P “Về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với bà Trần Thị D”.

- Hủy Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P “Về việc bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống và bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ tái định cư cho bà Trần Thị D”.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất đối

với bà Trần Thị D (thay thế quyết định bị hủy) xác định đúng diện tích, loại đất bị thu hồi;

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường về đất, cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ ổn định đời sống và bồi thường chi phí di chuyển, hỗ trợ tái định cư cho bà Trần Thị D đúng loại đất bị thu hồi và hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định.

Khi thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, Ủy ban nhân dân thành phố P khấu trừ khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước và số tiền 1.432.211.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu hai trăm mười một ngàn đồng) bà D đã nhận tại Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0006869 ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Tám